

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TCN24B**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH02187**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Pháp luật chuyên ngành CNTY**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2456201200311	Dương Khánh	Băng	10/11/2009			9	8.0	8.0		6.6		7.2
2	2456201200312	Nguyễn Hữu	Cường	20/02/2009			6	6.0	7.0		0.0	0.0	2.6
3	2456201200313	Lương Thị Thúy	Diễm	13/09/2009			0	0.0	0.0		CT		0.0
4	2456201200314	Lương Phước	Duy	05/01/2009			7	7.0	8.0		6.6		6.9
5	2456201200315	Võ Thị Thùy	Dương	29/04/2009			7	8.0	7.0		0.0	0.0	3.0
6	2456201200316	Hồ Cẩm	Đào	09/08/2009			6	9.0	7.0		5.4		6.3
7	2456201200317	La Thanh	Hải	28/09/2009			0	8.0	8.0		0.0	0.0	2.6
8	2456201200318	La Thị	Hạn	01/10/2006			7	9.0	7.0		6.8		7.2
9	2456201200320	Trần Lê	Hậu	19/12/2009			8	7.0	8.0		5.0		6.0
10	2456201200321	Lê Quốc	Huân	30/10/2008			7	7.0	8.0		6.8		7.0
11	2456201200322	Hoa Ngọc Kim	Khánh	02/09/2009			6	8.0	9.0		5.6		6.6
12	2456201200323	Nguyễn Thị Mỹ	Kim	03/09/2009			7	6.0	8.0		6.6		6.8
13	2456201200324	Trần Quốc	Kỳ	13/01/2006			7	7.0	6.0		5.2		5.8
14	2456201200325	Nguyễn Hữu	Lợi	25/08/2009			0	0.0	0.0		CT		0.0
15	2456201200326	La Bảo	Nam	16/09/2009			7	8.0	7.0		5.6		6.3
16	2456201200327	Lê Quốc	Nam	03/11/2009			3	7.0	8.0		6.0		6.2
17	2456201200328	Lê Tấn	Nhân	25/08/2007			7	8.0	7.0		6.6		6.9
18	2456201200329	Phan Phạm Hào	Phóng	12/12/2009			6	8.0	8.0		7.8		7.7
19	2456201200331	Dương Hoàn	Quân	03/09/2009			7	5.0	6.0		6.8		6.4
20	2456201200332	Nguyễn Nhứt	Sang	21/11/2008			7	6.0	6.0		7.6		7.0
21	2456201200333	Trần Thị Phi	Sứ	13/04/2008			6	9.0	7.0		0.0	0.0	3.0
22	2456201200334	Nguyễn Nhật	Tân	13/07/2009			6	6.0	7.0		5.0		5.6
23	2456201200335	Phạm Đức	Thành	10/11/2003			8	8.0	9.0		8.8		8.6
24	2456201200336	Lương Hữu	Thọ	11/12/2009			8	7.0	8.0		7.2		7.4
25	2456201200337	Võ Hứa Ti	Ti	07/12/2009			8	7.0	8.0		8.8		8.3
26	2456201200338	Lê Ngọc Bảo	Trân	09/09/2009			6	8.0	8.0		6.2		6.8
27	2456201200339	Nguyễn Trang Thanh	Tuyền	06/03/2006			9	9.0	9.0		8.4		8.6
28	2456201200340	Bùi Văn	Vô	14/08/2009			8	8.0	8.0		6.8		7.3
29	2456201200897	Lý Ngọc	Huy	08/11/2009			0	5.0	0.0		CT		0.8
30	2456201200898	Phan Hoàng	Huy	08/11/2009			8	8.0	7.0		7.6		7.6

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 28 tháng 7 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Đặng Thanh Hoài